

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Số: 08/QĐ-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 03 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy chế Công bố thông tin
của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn (Sửa đổi)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2022 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn;

Xét Tờ trình số 65/TTr-CT-TCKT ngày 13/5/2022 của Tổng giám đốc Công ty “Về việc phê duyệt Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn”;

Căn cứ Nghị quyết họp thường kỳ quý III/2023 số 13/NQ-HĐQT ngày 01/7/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “**Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn (Sửa đổi)**”, gồm 03 Chương và 13 Điều.

(Có Quy chế kèm theo)

Điều 2. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo việc thực hiện các nội dung của Quy chế theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

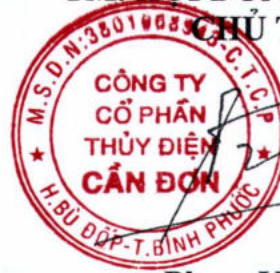
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay cho Quyết định số 08/QĐ/HĐQT ngày 30/6/2012.

Điều 3. Các Ông/bà: Tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban, phân xưởng, Giám đốc các Chi nhánh công ty theo chức năng, nhiệm vụ căn cứ Quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các TV HĐQT; BKS;
- Lưu: HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Ban hành theo quyết định số 08 /QĐ-HĐQT ngày 03 /7/2023 của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn



MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Tài liệu tham khảo	1
Điều 3. Các chữ viết tắt	1
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	3
Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin.....	5
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
Điều 8. Lưu đồ thực hiện.....	7
Điều 9. Các nội dung công bố thông tin.....	9
Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	9
Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan...	9
Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	9
Điều 12. Thẩm quyền xử lý vi phạm	10
Điều 13. Triển khai thực hiện	10
PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN	11
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	21
PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU	23

501
CỘ
CỘ
TH
CẢ
DOP

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các phòng, ban chức năng trực thuộc Công ty.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 31 tháng 03 năm 2017;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK Tp. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của Tổng giám đốc SGDCCK TPHCM;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
- SGDCCKHCM/HOSE: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
- VSD : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- TGĐ : Tổng Giám đốc.
- KTT : Kế toán trưởng.

- BCTC : Báo cáo tài chính.
- CDL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của công ty là:*

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

- Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Thụ ký công ty, người phụ trách quản trị công ty.
- Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, người phụ trách kế toán;
- Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 7 Quy chế này.

3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP. Hồ Chí Minh hoặc ngày UBCKNN, SGDCK TP. Hồ Chí Minh nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

Handwritten signature

7. Người có liên quan^[1] của Công ty là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty và người nội bộ của Công ty;
- b) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

8. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin.

a, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin được công bố bởi Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng giám đốc được ủy quyền sẽ thực hiện công bố thông tin.

b, Kế toán trưởng của Công ty là người được ủy quyền công bố thông tin và là người phụ trách công bố thông tin theo yêu cầu tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Việc ủy quyền công bố thông tin phải được lập thành văn bản theo mẫu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Người được ủy quyền công bố thông tin có thể giao nhiệm vụ cho một cá nhân khác trong Công ty nhằm hỗ trợ mình trong các nghiệp vụ về công bố thông tin (đăng tải, soạn thảo mẫu biểu,...). Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm rà soát và kiểm tra các thông tin trước khi được đăng tải.

[¹] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

c, Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin theo các quy định tại Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc uỷ quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a, Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b, Trường hợp uỷ quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho người được uỷ quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

c, Người được uỷ quyền CBTT từ nhà đầu tư cá nhân thực hiện gửi Giấy uỷ quyền/Hợp đồng uỷ quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật đến Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ CBTT trong lần đầu CBTT và thông báo chấm dứt việc uỷ quyền trong lần CBTT cuối cùng.

3. Nhà đầu tư là tổ chức thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC .

4. Người thực hiện công bố thông tin của các nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư 51/2021/TT-BTC

Điều 6. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay

MTC

đôi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy chế này.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công khai thông tin.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Handwritten signature

- Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử vì lý do bất khả kháng thì Người CBTT phải gửi bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Sở GDCK nơi có nghĩa vụ CBTT đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho Sở GDCK nơi có nghĩa vụ CBTT biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

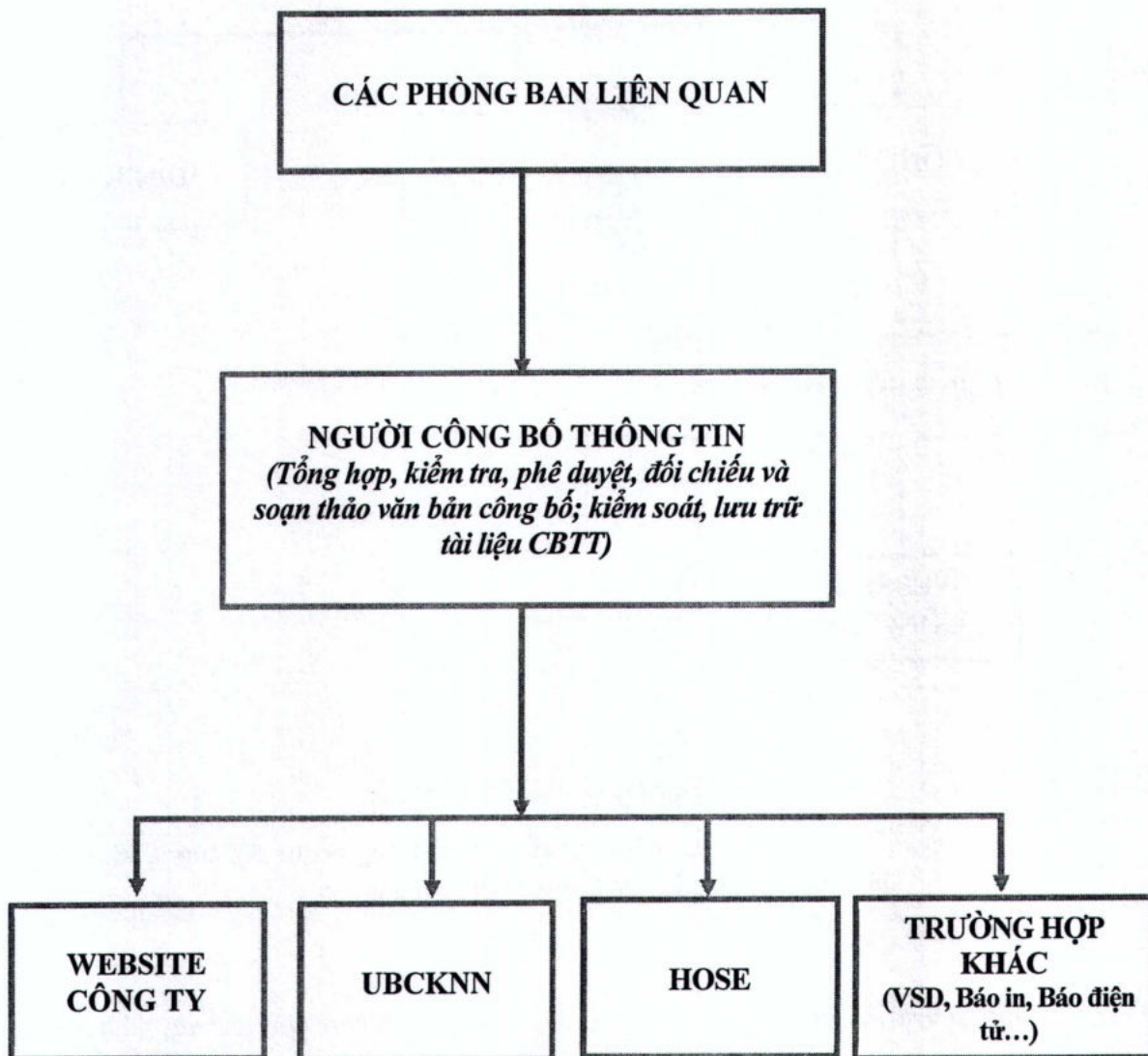
- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

11/11/12

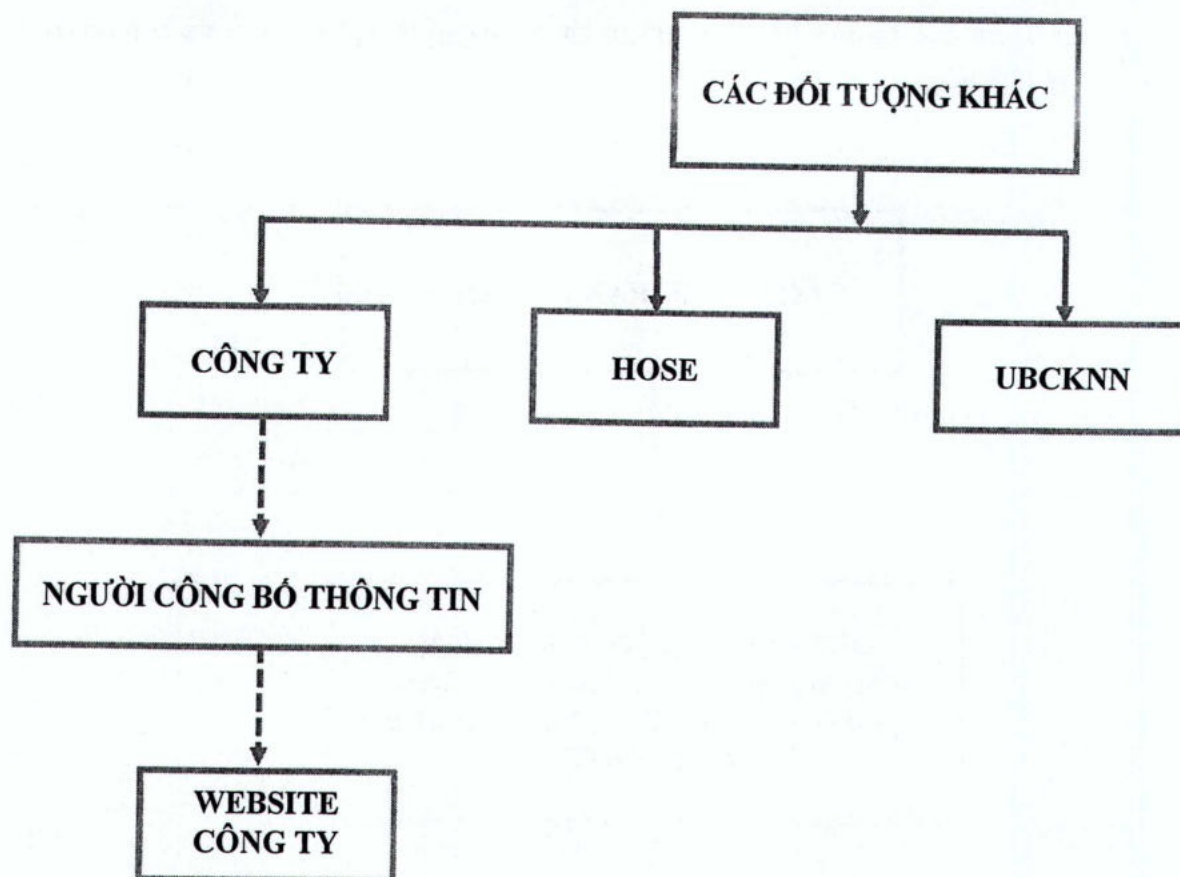
Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)



Ghi chú: \longrightarrow : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HOSE
 \dashrightarrow : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 9. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện cung cấp thông tin công bố theo quy định tại Phụ lục số 01: Nội dung CBTT chi tiết với từng phòng ban kèm theo Quy chế này.

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy trình này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

Điều 13. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy trình, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy trình này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy trình thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy trình này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ			
	I. Báo cáo tài chính			
1	Báo cáo tài chính quý	Tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Tối đa không quá 29 ngày kể từ ngày kết thúc quý	P.TCKT
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá 59 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	P.TCKT
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 09 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 89 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.TCKT
4	<p>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. 	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Cung cấp đồng thời với BCTC cần công bố	P.TCKT



	II. Báo cáo thường niên			
5	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất 19 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 109 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.TCKT
	III. Báo cáo tình hình quản trị công ty			
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất 29 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	HĐQT
7	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất 29 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	HĐQT
8	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Mẫu CBTT/SGDHCM-03: - Một bản báo cáo - Một bản dữ liệu điện tử theo định dạng Excel	Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp cùng với Báo cáo tình hình quản trị công ty	P.TCKT
	IV. Đại hội đồng cổ đông			
9	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký HĐQT
10	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Chậm nhất 22 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Thư ký HĐQT
11	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Thư ký HĐQT

	V. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
12	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký HĐQT
13	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (<i>Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</i>)	Chậm nhất 01 ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến	Thư ký HĐQT
14	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Thư ký HĐQT
	VI. Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ			
15	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/06 (<i>Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05</i>)	Chậm nhất là ngày 09/06	P.TCKT
16	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 10/12 (<i>Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11</i>)	Chậm nhất là ngày 09/12	P.TCKT
	B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG			

17	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
18	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
19	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
20	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
21	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
22	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
23	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
24	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
25	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
26	Quyết định thay đổi mã số thuế công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT

27	Quyết định thay đổi tên công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
28	Quyết định thay đổi con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
29	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
30	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
31	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
32	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
33	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.KTKH
34	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.KTKH
35	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
36	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
37	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT

38	Công ty đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu CBTT/SGDHCM-07 .	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
39	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
40	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	
41	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
42	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
43	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT

44	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
45	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
46	Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
47	Công ty gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo Phụ lục số 03 kèm theo và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 .	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ	P.TCHC
48	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu CBTT/SGDHCM-06 .	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	P.TCHC
49	Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, tổ chức niêm yết thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
50	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
51	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
52	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC

53	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
54	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
55	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
56	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCHC
57	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	P.TCKT
58	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
59	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
60	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Thư ký HĐQT
61	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn 09 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 89 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	P.TCKT

62	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ng nghị quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	P.TCHC
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				
63	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:			
64	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	P.TCHC
65	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	P.TCHC
D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
66	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Chậm nhất 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Thư ký HĐQT
		Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Chậm nhất 11 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Thư ký HĐQT

67	Tổ chức niêm yết gửi cho SGDCK TP HCM (HOSE) các tài liệu sau: a. Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 . b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng	P.TCKT
68	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 04 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký HĐQT
E. CÔNG BỐ THÔNG VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
69	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Thư ký HĐQT
70	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Thư ký HĐQT
71	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Thư ký HĐQT
72	- Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	P.TCKT

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

– Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của CTĐC phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho CTĐC, UBCKNN và SGĐCK theo mẫu quy định tại **Mẫu 14 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

– Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN, SGĐCK theo **Mẫu 15 – CDL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

– CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho CTĐC, UBCKNN và SGĐCK khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGĐCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

– Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGĐCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo **Mẫu 16 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.

– Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

Ghi chú: NNB của công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

– Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao dịch theo **Mẫu 17 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy trình này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

– NNB của công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

– Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

– Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của Công ty, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.









– Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.

– CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty và NCLQ của NNB .

PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên Theo Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
2	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin người nội bộ Theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
3	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm Theo Phụ lục V Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
4	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Theo Mẫu số 01 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020
5	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu Theo Mẫu 07/THQ Quyết định số 197/QĐ-VSD ngày 29/9/2017)
6	Mẫu 06 - DS	 Mau 06 - DS.docx	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-04 Quyết định số 340 /QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016
7	Mẫu 07 - CCTT	 Mau 07 - CCTT.docx	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-03 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016
8	Mẫu 08 - DSNNB	 Mau 08 - DS.docx	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-05 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016
9	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - TB.docx	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-06 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016

Handwritten mark

10	Mẫu 10 - DK	 Mau 10 - DK.docx	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-07 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016
11	Mẫu 11 - TDCP	 Mẫu 11 - TDCP.docx	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-08 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016
12	Mẫu 12 - TTSCD	 Mau 12 - TTSCD.docx	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-09 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016
13	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT.docx	Công bố thông tin bất thường Theo Mẫu CBTT/SGDHCM-01 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016
14	Mẫu 14 - CDL	 Mau 14 - CDL.docx	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn Theo Phụ lục VII Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
15	Mẫu 15 - CDL	 Mau 15 - CDL.docx	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết Theo Phụ lục VIII Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
16	Mẫu 16 - GD NNB	 Mau 16 - NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Theo Phụ lục XIII Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
17	Mẫu 17 - GD NNB	 Mau 17 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Theo Phụ lục XV Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020